

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 231/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 11/7/2022

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Cẩm Xuyên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Tấn Hưng

Bà Nguyễn Thị Thu Sương

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thuỳ Dương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang.

- Đ diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 207/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2022 về “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 166/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 158/2022/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị N, sinh năm 1979 (có mặt).

Nơi cư trú: Số 65, tổ 3, ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Anh Đinh Văn N1, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Số 65, tổ 3, ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/4/2022 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị N trình bày như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh N1 chung sống với nhau vào năm 2011, hôn nhân xây dựng trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện C, tỉnh An Giang, theo giấy chứng nhận kết hôn số 50/2014, Quyền số 01/2014, ngày 22/5/2014. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, thường xảy ra cự cãi với nhau, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, mọi việc trong và ngoài gia đình đều do chị gánh vác, anh N1 ghen tuông, chửi bới, la mắng xúc phạm nặng nề, đánh đập vợ, chị có khuyên can

nhiều lần nhưng anh N1 không chịu sửa đổi. Vợ chồng ly thân từ tháng 4/2020 cho đến nay. Thời gian ly thân vợ chồng không hàn gắn được tình cảm, do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn.

Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân có kéo dài cũng không còn hạnh phúc nên chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N1.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 (một) con chung là Đình Văn Đ, sinh ngày 22/5/2012. Hiện nay cháu Đ đang sống cùng với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh N1 cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn anh Đình Văn N1 được Toà án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Toà án để tham gia các tiến trình tố tụng của Toà án thực hiện theo quy định của pháp luật và cũng không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị N.

Tại phiên tòa:

- Chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh N1, yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh N1 cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

- Anh N1 vắng mặt tại phiên tòa.

Đ diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu ý kiến:

- *Về thủ tục tố tụng:* Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do trong quá trình giải quyết vụ án là chưa chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Căn cứ vào Điều 56, 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N, cho chị N được ly hôn với anh N1. Về con chung: Đề nghị giao cháu Đ cho chị N được trực tiếp nuôi con, do chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung: Chị N không yêu cầu nên đề nghị không xem xét, giải quyết. Về án phí sơ thẩm: Đề nghị xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] *Về thẩm quyền giải quyết:*

Chị N khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết về con chung đối với anh N1 nên xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*". Anh N1 có địa chỉ cư trú tại ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang có thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án là đúng theo quy định theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2] *Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự:*

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, chị N có mặt. Anh N1 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án:*

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị. N và anh N1 chung sống với nhau năm 2011, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh An Giang theo quy định của pháp luật nên xét hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng.

Xét thấy, vợ chồng có nghĩa vụ sống chung, thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, theo chị N trình bày vợ chồng thường xảy ra cự cãi với nhau, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, mọi việc trong và ngoài gia đình đều do chị gánh vác, anh N1 ghen tuông, chửi bới, la mắng xúc phạm nặng nề, đánh đập vợ, chị có khuyên can nhiều lần nhưng anh N1 không chịu sửa đổi. Đồng thời, thực tế chị N và anh N1 đã không còn sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Anh chị ly thân từ tháng 04/2020 cho đến nay nhưng vẫn không giải quyết được mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay chị N yêu cầu ly hôn do mâu thuẫn trầm trọng trong cuộc sống hôn nhân, chị từ chối hoà giải. Từ đó cho thấy, chị N cương quyết trong việc yêu cầu ly hôn. Về phía anh N1 những lần Tòa án triệu tập đến để tham gia phiên họp công khai chứng cứ, hoà giải và phiên tòa thì anh N1 đều vắng mặt. Điều đó cho thấy, anh N1 không có thiện chí mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng và không quan tâm đến yêu cầu ly hôn của chị N.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân giữa anh chị đã thật sự lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, cho chị N được ly hôn với anh N1 là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và phù hợp với đề nghị của Đ diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C.

[2.2] *Về con chung:* Chị N và anh N1 có 01 (một) con chung là Đinh Văn Đ, sinh ngày 22/5/2012. Xét thấy, chị N có yêu cầu được trực tiếp nuôi con, cháu Đ cũng có nguyện vọng được sống với mẹ. Đồng thời, để đảm bảo về sự phát triển mọi mặt của con, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Đ cho chị N được

trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 58, 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về quyền thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật:

Căn cứ vào Điều 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, anh N1 là người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung nhưng có quyền đến thăm nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung. Chị N và các thành viên trong gia đình không được cản trở anh N1 đến thăm nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì lợi ích của các con, theo yêu cầu của một bên, các bên hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi về cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung:* Chị N không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Do chị N là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chị N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 19, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị N.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Thị N được ly hôn với anh Đinh Văn N1.

Giấy chứng nhận kết hôn số 50/2014, Quyền số 01/2014, do Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh An Giang cấp ngày 22/05/2014 cho chị Lê Thị N và anh Đinh Văn N1 không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Chị N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Đinh Văn Đ, sinh ngày 22/5/2012.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không xem xét, giải quyết.

Chị N và các thành viên trong gia đình không được cản trở anh N1 đến thăm nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung.

Vì lợi ích của các con, theo yêu cầu của một bên, các bên hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi về cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.
- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Lê Thị N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) mà chị N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003757 ngày 18 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C nên chị N không phải nộp thêm.
- Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, anh Đinh Văn N1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã L, huyện C, tỉnh An Giang;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Cẩm Xuyên